

Unit 1

I/ Sắp xếp từ:

- 1/ tsuednt =>.....
- 2/ beodyog =>.....
- 3/wot =>.....
- 4/ ybe =>.....
- 5/ nktahs =>.....
- 6/. anme =>.....
7. owh =>
8. irlg =>.....
9. leslp =>

II/ Sắp xếp câu:

1/ am/ I/ Lam

.....

2/ What/ is/ your/ name?

.....

3/ How/ are/ you?

.....

4/ Marry/ goodbye/ ,/

.....

5/ boy/ Phong/ is/ the.

.....

III/ Khoanh tròn từ đúng:

1/ Nice to _____ you!

A. meet B. see C. you D. hi

2. this is my _____

A. pen B. pens C. you D. I

3. How _____ you?

A. is B. are C. my D. my

4/ What's _____ name?

A. you B. He C. She D. your

5/ My name _____ Hoa

A. are B. is C. am D. you

IV/ Trả lời câu hỏi:

1/ What is your name?

.....

...

2/ How do you spell your name?

.....

...

3/ How are you?

.....

...

V. Reorder the words to the complete sentence. (sắp xếp các từ thành câu có nghĩa)

1. Lan/ she/is/? =.....

2. is/friend/he/my/. =.....

3. my/ is/ friend/Mary/. =.....

4. Mai/ too/ friend/ is/my/. =.....

5. ok/ you/ are?

=.....

VI/ Khoanh tròn từ đúng:

1/ This _____ my friend.

A. are

B. is

C. am

D. you

2/ _____, I'm Mai

A. hello

B. you

C. hi

D. A&B

3/ I'm fine. _____

A. thanks

B. my

C. nice

D. meet

4/ See _____ again

A. you

B. I

C. your

D. his

5/ How do you _____ your name?

A. do

B. smile

C. spell

D. meet

VII/ Hoàn thành từ với L-A:

1/ Hel_o

2/ Tin_

3/ Th_nks

4/ spel_

5/ _inda

VII/ Sắp xếp lại thành đoạn hội thoại:

..... Hello, My name is Hung
.....Hello, I'm Mai.
.....I'm fine. Thank you. And you?
.....What's your name?
.....Nice to meet you, too
.....Hung, how are you?
.....Fine, thanks
.....How do you spell your name?
.....H-U-N-G
.....Nice to meet you

